

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

---

### NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-35
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-35

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5700688013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 25 tháng 08 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Quang Trung	Chủ tịch	
Ông Bùi Quang Đạo	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29/10/2021
Ông Phạm Văn Toàn	Ủy viên	
Ông Thâm Hồng Sơn	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Toàn	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Bá Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Tuấn Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 03/02/2021

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Thanh Duyên	Trưởng ban
Bà Trần Thị Kiều Oanh	Thành viên
Bà Phạm Thị Hoa	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Văn Toàn  
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Số: 100322.046/BCTC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân được lập ngày 10 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, trên Bảng cân đối kế toán của Công ty, chỉ tiêu Nợ ngắn hạn đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 6,64 tỷ đồng, lỗ lũy kế làm chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu âm 29,76 tỷ đồng. Những dấu hiệu này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1 - Thuyết minh Báo cáo tài chính, cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Vũ Xuân Biễn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

*Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022*

**Nguyễn Tuấn Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,  
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>10.979.879.482</b>	<b>16.892.993.701</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>2.363.679.082</b>	<b>1.607.608.690</b>
111	1. Tiền		1.356.175.522	1.607.608.690
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.007.503.560	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>7.587.603.111</b>	<b>14.628.032.156</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	9.961.734.017	13.255.873.276
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	655.418.621	25.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.206.273.381	1.662.542.188
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.235.822.908)	(315.383.308)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>530.829.668</b>	<b>127.833.994</b>
141	1. Hàng tồn kho		530.829.668	127.833.994
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>497.767.621</b>	<b>529.518.861</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	370.652.039	505.552.895
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		118.257.358	23.965.966
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	8.858.224	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>34.493.650.037</b>	<b>30.946.145.420</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>3.680.400.000</b>	<b>-</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	3.680.400.000	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.807.326.522</b>	<b>1.383.813.492</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.807.326.522	1.383.813.492
222	- Nguyên giá		18.440.666.223	18.646.028.314
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16.633.339.701)	(17.262.214.822)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		71.580.000	71.580.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(71.580.000)	(71.580.000)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>28.679.673.639</b>	<b>29.454.799.954</b>
231	- Nguyên giá		36.430.936.788	36.430.936.788
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.751.263.149)	(6.976.136.834)
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		473.212.674.000	473.212.674.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(473.212.674.000)	(473.212.674.000)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>326.249.876</b>	<b>107.531.974</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	326.249.876	107.531.974
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>45.473.529.519</b>	<b>47.839.139.121</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,  
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>75.231.720.446</b>	<b>76.746.152.616</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>17.624.231.060</b>	<b>19.695.457.790</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	12.491.474.234	16.958.874.615
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	1.516.857.898	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	129.647.112	134.228.717
314	4. Phải trả người lao động		999.652.456	366.447.778
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	624.716.130	428.256.660
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	1.660.948.776	1.660.948.776
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	199.213.162	144.979.952
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.721.292	1.721.292
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>57.607.489.386</b>	<b>57.050.694.826</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	17	15.167.333.302	15.595.589.962
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	18	39.794.156.084	41.455.104.864
337	3. Phải trả dài hạn khác	19	2.646.000.000	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>(29.758.190.927)</b>	<b>(28.907.013.495)</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>(29.758.190.927)</b>	<b>(28.907.013.495)</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		365.050.000.000	365.050.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		365.050.000.000	365.050.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		11.500.000.000	11.500.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		2.340.736.096	2.340.736.096
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		163.000.000	163.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(408.811.927.023)	(407.960.749.591)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(407.960.749.591)	(408.602.777.390)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(851.177.432)	642.027.799
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>45.473.529.519</b>	<b>47.839.139.121</b>

Phạm Thị Vân  
Người lập

Phan Thị Liên  
Điều hành Phòng Tài chính -  
Kế toán



Phạm Văn Toàn  
Tổng Giám đốc


Quảng Ninh, ngày 10 tháng 03 năm 2022

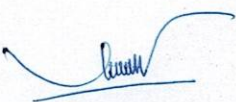



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	57.310.518.715	45.875.048.538
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		57.310.518.715	45.875.048.538
11	4. Giá vốn hàng bán	23	49.649.669.391	40.649.865.471
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.660.849.324	5.225.183.067
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	24.116.489	110.831.655
22	7. Chi phí tài chính	25	50.173.785	32.010.652
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		48.332.085	29.393.205
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	9.468.837.289	4.922.682.938
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.834.045.261)	381.321.132
31	11. Thu nhập khác	27	1.191.718.940	390.699.789
32	12. Chi phí khác	28	84.835.966	5.977.977
40	13. Lợi nhuận khác		1.106.882.974	384.721.812
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(727.162.287)	766.042.944
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	124.015.145	124.015.145
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(851.177.432)	642.027.799
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30		18


  
Phạm Thị Vân  
Người lập


  
Phan Thị Liên  
Điều hành Phòng Tài chính -  
Kế toán


  
Phạm Văn Toàn  
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 03 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(727.162.287)	766.042.944
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.415.547.830	1.595.613.389
03	- Các khoản dự phòng		3.920.439.600	(32.000.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.849	(23.825)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(327.287.398)	(3.221.338)
06	- Chi phí lãi vay		48.332.085	29.393.205
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.329.871.679	2.355.804.375
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(652.620.693)	6.403.839.577
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(402.995.674)	(85.429.273)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.390.417.025)	(8.464.329.047)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(83.817.046)	163.842.239
14	- Tiền lãi vay đã trả		(48.332.085)	(29.393.205)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(256.888.514)	(44.291.123)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.494.800.642	300.043.543
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.063.934.545)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		303.170.909	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		22.035.235	3.221.338
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(738.728.401)	3.221.338
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.568.760.422	2.282.531.543
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.568.760.422)	(2.282.531.543)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

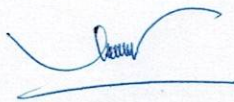
Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		756.072.241	303.264.881
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.607.608.690	1.304.368.505
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.849)	(24.696)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>2.363.679.082</u>	<u>1.607.608.690</u>



Phạm Thị Vân  
Người lập



Phan Thị Liên  
Điều hành Phòng Tài chính -  
Kế toán



Phạm Văn Toàn  
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 03 năm 2022

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5700688013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 25 tháng 08 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 365.050.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 365.050.000.000 đồng; tương đương 36.505.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 38 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 44 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp dịch vụ cảng biển, dịch vụ hàng hải và cho thuê bất động sản.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, trên Bảng cân đối kế toán của Công ty, chi tiêu Nợ ngắn hạn đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 6,64 tỷ đồng, lỗ lũy kế làm chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu âm 29,76 tỷ đồng. Những dấu hiệu này cho thấy có yếu tố có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, khoản lỗ lũy kế này chủ yếu xuất phát từ việc Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT). Ban Tổng giám đốc Công ty tin tưởng rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn diễn ra bình thường và cho rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Trong năm 2021, do có thêm dịch vụ cung cấp nhân sự quản lý và các dịch vụ hỗ trợ đối với Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân nên doanh thu và giá vốn của Công ty tăng mạnh so với năm trước. Tuy nhiên, việc trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu khách hàng đối với Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân làm cho hoạt động kinh doanh của Công ty bị lỗ, chi tiết tại các Thuyết minh số 5, 8, 22, 23 và 33.

Thông tin về công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## **2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.6 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Khoản đầu tư vào công ty liên doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty liên doanh được lập vào thời điểm cuối năm khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh tại thời điểm trích lập dự phòng.

## **2.7 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.8 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng dịch vụ chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.9 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
- Tài sản cố định khác	04 năm
- Phần mềm kế toán	03-05 năm

**2.10 . Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	47 năm
- Quyền sử dụng đất	47 năm

**2.11 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.12 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.13 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.14 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khối ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.15 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.16 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí tiền thuê đất, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.17 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

**2.18 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.



## **2.19 . Doanh thu**

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu cho thuê hoạt động*

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm cho thuê bất động sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## **2.20 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## **2.21 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,  
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### 2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

### 2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.25 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	263.360.306	218.522.247
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.092.815.216	1.389.086.443
Các khoản tương đương tiền (*)	1.007.503.560	-
	<u>2.363.679.082</u>	<u>1.607.608.690</u>

(\*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 1.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long với lãi suất 2,9 %/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4 . ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT)	473.212.674.000	(473.212.674.000)	473.212.674.000	(473.212.674.000)
	<b>473.212.674.000</b>	<b>(473.212.674.000)</b>	<b>473.212.674.000</b>	<b>(473.212.674.000)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về công ty liên doanh của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT)	Quảng Ninh	50,08%	50,08%	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn đối với toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT) do lỗ lũy kế trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2021 của CICT đã vượt quá vốn chủ sở hữu của công ty này.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh trong năm: Xem thuyết minh số 36.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,  
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	3.920.439.600	(3.920.439.600)	3.920.439.600	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng An Việt Phát	1.949.758.013	-	1.185.827.053	-
Phải thu khách hàng khác	4.091.536.404	(315.383.308)	8.149.606.623	(315.383.308)
	<u>9.961.734.017</u>	<u>(4.235.822.908)</u>	<u>13.255.873.276</u>	<u>(315.383.308)</u>
<b>b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>				
	<u>3.920.439.600</u>	<u>-</u>	<u>3.920.439.600</u>	<u>-</u>

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)***6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Trả trước cho người bán chi tiết theo đối tượng có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	495.010.621	-	-	-
Công ty Cổ phần Phần mềm quản lý doanh nghiệp	99.208.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	61.200.000	-	25.000.000	-
	<u>655.418.621</u>	<u>-</u>	<u>25.000.000</u>	<u>-</u>
<b>b) Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>				
	<u>495.010.621</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,  
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi	2.081.254	-	-	-
Tạm ứng	479.699.973	-	1.025.059.399	-
Ký cược, ký quỹ	65.570.000	-	170.655.400	-
Thuế GTGT chưa đủ điều kiện khấu trừ năm 2017, 2018	371.914.000	-	381.434.389	-
Phải thu khác	287.008.154	-	85.393.000	-
	<b>1.206.273.381</b>	<b>-</b>	<b>1.662.542.188</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	3.680.400.000	-	-	-
	<b>3.680.400.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</b>				
	<b>3.811.182.760</b>	<b>-</b>	<b>182.436.899</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

**8 . NỢ XẤU**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>				
- Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất dăm gỗ TMT	170.810.966	-	170.810.966	-
- Công ty TNHH Hoàng Lâm Hạ Long	70.408.525	-	70.408.525	-
- Công ty Cổ phần Luyện cán thép Sóc Sơn	74.163.817	-	74.163.817	-
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	3.920.439.600	-	3.920.439.600	3.920.439.600
	<b>4.235.822.908</b>	<b>-</b>	<b>4.235.822.908</b>	<b>3.920.439.600</b>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	90.201.068	-	109.933.994	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	440.628.600	-	17.900.000	-
	<b>530.829.668</b>	<b>-</b>	<b>127.833.994</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	608.800.000	17.171.208.314	212.276.000	653.744.000	18.646.028.314
- Mua trong năm	-	1.063.934.545	-	-	1.063.934.545
- Thanh lý, nhượng bán	-	(706.763.455)	-	-	(706.763.455)
- Giảm khác	-	(562.533.181)	-	-	(562.533.181)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>608.800.000</b>	<b>16.965.846.223</b>	<b>212.276.000</b>	<b>653.744.000</b>	<b>18.440.666.223</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	315.398.179	16.468.298.121	212.276.000	266.242.522	17.262.214.822
- Khấu hao trong năm	59.292.754	417.692.761	-	163.436.000	640.421.515
- Thanh lý, nhượng bán	-	(706.763.455)	-	-	(706.763.455)
- Giảm khác	-	(562.533.181)	-	-	(562.533.181)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>374.690.933</b>	<b>15.616.694.246</b>	<b>212.276.000</b>	<b>429.678.522</b>	<b>16.633.339.701</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	293.401.821	702.910.193	-	387.501.478	1.383.813.492
Tại ngày cuối năm	234.109.067	1.349.151.977	-	224.065.478	1.807.326.522

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.633.551.315 đồng.

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn đang còn sử dụng với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2021 là 71.580.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,  
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Quyền sử dụng đất VND	Cơ sở hạ tầng VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	33.623.389.808	2.807.546.980	36.430.936.788
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>33.623.389.808</b>	<b>2.807.546.980</b>	<b>36.430.936.788</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	6.438.521.456	537.615.378	6.976.136.834
- Khấu hao trong năm	715.391.273	59.735.042	775.126.315
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.153.912.729</b>	<b>597.350.420</b>	<b>7.751.263.149</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	27.184.868.352	2.269.931.602	29.454.799.954
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>26.469.477.079</b>	<b>2.210.196.560</b>	<b>28.679.673.639</b>

Toàn bộ bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng trên đất của khu đất có diện tích 2,3 hecta tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE326903 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 12/12/2011. Thời hạn sử dụng đến ngày 31/08/2061.

Trong năm, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 1.660.948.780 đồng.

Các khoản tiền thuê thu được hàng năm trong tương lai được trình bày trong Thuyết minh số 21.

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	116.781.524	150.544.327
Chi phí bảo hiểm	125.085.237	129.148.104
Chi phí sửa chữa tài sản	81.862.083	185.361.461
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	46.923.195	40.499.003
	<b>370.652.039</b>	<b>505.552.895</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	80.265.204	10.715.316
Chi phí biên quảng cáo	56.666.667	-
Chi phí sửa chữa tài sản đi thuê	127.360.188	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	61.957.817	96.816.658
	<b>326.249.876</b>	<b>107.531.974</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,  
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Ban Quản lý dự án Hàng hải 2	6.665.333.000	6.665.333.000	6.665.333.000	6.665.333.000
Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	3.520.439.600	3.520.439.600	3.720.439.600	3.720.439.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Du lịch và Thương mại Thẩm Gia	1.287.000.000	1.287.000.000	1.068.138.046	1.068.138.046
Phải trả các đối tượng khác	1.018.701.634	1.018.701.634	5.504.963.969	5.504.963.969
	<b>12.491.474.234</b>	<b>12.491.474.234</b>	<b>16.958.874.615</b>	<b>16.958.874.615</b>
<b>b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
	<b>4.961.351.600</b>	<b>-</b>	<b>8.158.505.591</b>	<b>-</b>

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)***15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Vinh Hưng	1.432.526.728	-
Công ty TNHH Hào Hưng Long An	84.331.170	-
	<b>1.516.857.898</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	1.497.339.563	1.497.339.563	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	124.015.145	124.015.145	256.888.514	8.858.224	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	10.213.572	734.296.188	614.862.648	-	129.647.112
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	75.133.338	75.133.338	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	189.727.106	189.727.106	-	-
	-	<b>134.228.717</b>	<b>2.623.511.340</b>	<b>2.636.951.169</b>	<b>8.858.224</b>	<b>129.647.112</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,  
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
<b>a) Chi phí phải trả ngắn hạn</b>		
- Thuế nhà đất phải trả (*)	428.256.660	428.256.660
- Chi phí phải trả khác	196.459.470	-
	<u><b>624.716.130</b></u>	<u><b>428.256.660</b></u>
<b>b) Chi phí phải trả dài hạn</b>		
- Thuế nhà đất phải trả (*)	15.167.333.302	15.595.589.962
	<u><b>15.167.333.302</b></u>	<u><b>15.595.589.962</b></u>

(\*) Tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp các bên số 2, 3, 4 của Cảng Cái Lân, tỉnh Quảng Ninh với tổng diện tích đất được giao là 155.684,4 m2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH893370 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 24/07/2008. Thời gian sử dụng từ năm 2008 đến tháng 5/2058. Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT) bằng quyền sử dụng đất này.

**18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Cho thuê mặt bằng 2,3 ha	1.660.948.776	1.660.948.776
	<u><b>1.660.948.776</b></u>	<u><b>1.660.948.776</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Cho thuê mặt bằng 2,3 ha	39.794.156.084	41.455.104.864
	<u><b>39.794.156.084</b></u>	<u><b>41.455.104.864</b></u>

Toàn bộ số dư doanh thu chưa thực hiện tại thời điểm 01/01/2021 và 31/12/2021 của Công ty đều là doanh thu chưa thực hiện về cho thuê mặt bằng 2,3 ha đối với Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT) - Công ty liên doanh của Công ty.

**19 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	57.464.974	3.431.428
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	139.625.000	139.625.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.123.188	1.923.524
	<u><b>199.213.162</b></u>	<u><b>144.979.952</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.646.000.000	-
	<u><b>2.646.000.000</b></u>	<u><b>-</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(408.602.777.390)	(29.549.041.294)
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	642.027.799	642.027.799
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>365.050.000.000</b>	<b>11.500.000.000</b>	<b>2.340.736.096</b>	<b>163.000.000</b>	<b>(407.960.749.591)</b>	<b>(28.907.013.495)</b>
Số dư đầu năm nay	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(407.960.749.591)	(28.907.013.495)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(851.177.432)	(851.177.432)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>365.050.000.000</b>	<b>11.500.000.000</b>	<b>2.340.736.096</b>	<b>163.000.000</b>	<b>(408.811.927.023)</b>	<b>(29.758.190.927)</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	206.550.000.000	56,58%	206.550.000.000	56,58%
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	29.709.990.000	8,14%	29.709.990.000	8,14%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	18.000.000.000	4,93%	18.000.000.000	4,93%
Các cổ đông khác	110.790.010.000	30,35%	110.790.010.000	30,35%
	<b>365.050.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>365.050.000.000</b>	<b>100%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,  
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	365.050.000.000	365.050.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<u>365.050.000.000</u>	<u>365.050.000.000</u>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<u>365.050.000.000</u>	<u>365.050.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức của năm 2008 phải trả đầu năm</i>	<u>139.625.000</u>	<u>139.625.000</u>
- <i>Cổ tức của năm 2008 còn phải trả cuối năm</i>	<u>139.625.000</u>	<u>139.625.000</u>
<b>d) Cổ phiếu</b>		
	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.505.000	36.505.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	36.505.000	36.505.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<u>36.505.000</u>	<u>36.505.000</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.505.000	36.505.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<u>36.505.000</u>	<u>36.505.000</u>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
<b>e) Các quỹ công ty</b>		
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.340.736.096	2.340.736.096
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	163.000.000	163.000.000
	<u>2.503.736.096</u>	<u>2.503.736.096</u>
<b>21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG</b>		
<b>a) Tài sản thuê ngoài</b>		
Công ty thuê tài sản là văn phòng, kho bãi theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2021, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:		
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	8.602.160.000	4.626.560.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	25.003.200.000	8.880.000.000
- Trên 5 năm	1.285.200.000	-
	<u>34.890.560.000</u>	<u>13.506.560.000</u>
<b>b) Ngoại tệ các loại</b>		
	31/12/2021	01/01/2021
- Đồng đô la Mỹ (USD)	369,95	383,15
<b>22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ và hàng hải	55.649.569.935	44.214.099.758
Doanh thu cho thuê bất động sản	1.660.948.780	1.660.948.780
	<u>57.310.518.715</u>	<u>45.875.048.538</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	<u>14.732.194.600</u>	<u>2.443.451.600</u>
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)		

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,  
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ và hàng hải	48.874.543.076	39.874.739.156
Giá vốn cho thuê bất động sản	775.126.315	775.126.315
	<b>49.649.669.391</b>	<b>40.649.865.471</b>
<b>Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan</b>		
Tổng giá trị mua vào:	23.409.839.431	13.724.766.798
Trong đó:		
+ Đã kết chuyển vào giá vốn hàng bán (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	23.409.839.431	13.724.766.798

**24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	24.116.489	3.221.338
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	107.586.492
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	23.825
	<b>24.116.489</b>	<b>110.831.655</b>

**25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	48.332.085	29.393.205
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.839.851	2.617.447
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.849	-
	<b>50.173.785</b>	<b>32.010.652</b>

**26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	92.776.134	67.621.344
Chi phí nhân công	3.257.585.767	3.147.429.979
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.527.334	-
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	14.116.340
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	3.920.439.600	(32.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.098.791.583	956.181.366
Chi phí khác bằng tiền	998.716.871	769.333.909
	<b>9.468.837.289</b>	<b>4.922.682.938</b>
Trong đó: Chi phí quản lý doanh nghiệp mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	<b>559.691.000</b>	<b>559.680.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**

Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,  
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**27 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	303.170.909	-
Chênh lệch hạch toán thuế đất phi nông nghiệp	362.869.212	362.869.212
Thu nhập từ công nợ không phải trả	104.724.274	20.580.273
Thu nhập từ bảo hiểm bồi thường	409.200.000	-
Thu nhập khác	11.754.545	7.250.304
	<b>1.191.718.940</b>	<b>390.699.789</b>

**28 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt	72.815.569	3.267.550
Chi phí khác	12.020.397	2.710.427
	<b>84.835.966</b>	<b>5.977.977</b>

**29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.612.984.752)	(119.779.521)
Các khoản điều chỉnh tăng	614.326.360	152.402.673
- Chi phí không hợp lệ	614.320.966	152.377.977
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	5.394	24.696
Các khoản điều chỉnh giảm	(3.545)	(32.623.152)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(3.545)	(48.521)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(32.574.631)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(998.661.937)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính	-	-
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	885.822.465	885.822.465
Thu nhập tính thuế TNDN	885.822.465	885.822.465
Chi phí thuế TNDN (thuế suất 20%)	177.164.493	177.164.493
Miễn giảm 30% thuế TNDN theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP	-	53.149.348
Miễn giảm 30% thuế TNDN theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP	53.149.348	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<b>124.015.145</b>	<b>124.015.145</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	124.015.145	44.291.123
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(256.888.514)	(44.291.123)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	<b>(8.858.224)</b>	<b>124.015.145</b>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	124.015.145	124.015.145
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	<b>(8.858.224)</b>	<b>124.015.145</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,  
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(851.177.432)	642.027.799
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(851.177.432)	642.027.799
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	36.505.000	36.505.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(23)</b>	<b>18</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.992.806.146	7.152.240.480
Chi phí nhân công	12.111.590.512	7.333.719.138
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.415.547.830	1.595.613.389
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	3.920.439.600	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.163.926.692	26.982.579.443
Chi phí khác bằng tiền	1.936.924.500	2.547.862.322
	<b>59.541.235.280</b>	<b>45.612.014.772</b>

**32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.363.679.082	-	1.607.608.690	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.848.407.398	(4.235.822.908)	14.918.415.464	(315.383.308)
	<b>17.212.086.480</b>	<b>(4.235.822.908)</b>	<b>16.526.024.154</b>	<b>(315.383.308)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác			15.336.687.396	17.103.854.567
Chi phí phải trả			15.792.049.432	16.023.846.622
			<b>31.128.736.828</b>	<b>33.127.701.189</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,  
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.363.679.082	-	-	2.363.679.082
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.932.184.490	3.680.400.000	-	10.612.584.490
	<u>9.295.863.572</u>	<u>3.680.400.000</u>	<u>-</u>	<u>12.976.263.572</u>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.607.608.690	-	-	1.607.608.690
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.603.032.156	-	-	14.603.032.156
	<u>16.210.640.846</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>16.210.640.846</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,  
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	15.336.687.396	-	-	15.336.687.396
Chi phí phải trả	624.716.130	1.713.026.640	13.454.306.662	15.792.049.432
	<u>15.961.403.526</u>	<u>1.713.026.640</u>	<u>13.454.306.662</u>	<u>31.128.736.828</u>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	17.103.854.567	-	-	17.103.854.567
Chi phí phải trả	428.256.660	1.713.026.640	13.882.563.322	16.023.846.622
	<u>17.532.111.227</u>	<u>1.713.026.640</u>	<u>13.882.563.322</u>	<u>33.127.701.189</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**33 . THÔNG TIN KHÁC**

Ngày 16 tháng 08 năm 2021, Công ty đã nộp Đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân Thành phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh để khởi kiện Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT) về việc chậm thanh toán khoản công nợ liên quan đến Hợp đồng dịch vụ số CICT.HĐKT/2018.01/CPI ngày 01/01/2018. Ngày 17 tháng 02 năm 2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh đã gửi Thông báo số 239/TB-TA yêu cầu sử đổi, bổ sung đơn khởi kiện nêu trên.

**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ngoài các sự kiện đã được công bố tại Thuyết minh số 33, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,  
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Dịch vụ và hàng hải	Cho thuê bất động sản	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	55.649.569.935	1.660.948.780	57.310.518.715
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>6.775.026.859</b>	<b>885.822.465</b>	<b>7.660.849.324</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ không phân bổ			1.063.934.545
Tài sản bộ phận trực tiếp	12.950.740.680	28.688.531.863	41.639.272.543
Tài sản không phân bổ			3.834.256.976
<b>Tổng tài sản</b>	<b>12.950.740.680</b>	<b>28.688.531.863</b>	<b>45.473.529.519</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	9.988.999.132	48.120.437.860	58.109.436.992
Nợ phải trả không phân bổ			17.122.283.454
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>9.988.999.132</b>	<b>48.120.437.860</b>	<b>75.231.720.446</b>

**Theo khu vực địa lý**

Do toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	Ông Bùi Quang Đạo - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là Thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty này
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Du lịch và Thương mại Thẩm Gia	Ông Thẩm Hồng Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty là Giám đốc của Công ty này
Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,  
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Mua dịch vụ</b>	<b>23.969.530.431</b>	<b>14.284.446.798</b>
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	577.603.000	577.716.364
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	12.651.681.616	8.414.402.204
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	4.958.727.845	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Du lịch và Thương mại Thẩm Gia	5.781.517.970	5.292.328.230
<b>Cung cấp dịch vụ</b>	<b>14.732.194.600</b>	<b>2.443.451.600</b>
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	12.826.725.000	2.265.750.000
Công ty Vận tải biển Container Vinalines - Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	-	4.800.000
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	1.606.039.600	79.906.600
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	299.430.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Du lịch và Thương mại Thẩm Gia	-	92.995.000

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>3.920.439.600</b>	<b>3.920.439.600</b>
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	3.920.439.600	3.920.439.600
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>495.010.621</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	495.010.621	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>3.811.182.760</b>	<b>182.436.899</b>
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	30.000.000	30.000.000
Ông Đỗ Tuấn Hiền	40.585.973	152.436.899
Ông Nguyễn Bá Sơn	60.196.787	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Du lịch và Thương mại Thẩm Gia	3.680.400.000	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>4.961.351.600</b>	<b>8.158.505.591</b>
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	153.912.000	155.221.000
Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	3.520.439.600	3.720.439.600
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	-	3.214.706.945
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Du lịch và Thương mại Thẩm Gia	1.287.000.000	1.068.138.046
<b>Doanh thu chưa thực hiện</b>	<b>41.455.104.860</b>	<b>43.116.053.640</b>
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	41.455.104.860	43.116.053.640

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy,  
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Thu nhập của các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty</b>	<b>1.105.699.660</b>	<b>1.072.922.092</b>
Ông Lê Quang Trung - Chủ tịch Hội đồng quản trị	50.400.000	50.400.000
Ông Bùi Quang Đạo - Nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	28.800.000	38.400.000
Ông Phạm Văn Toàn - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	507.457.089	378.971.273
Ông Thắm Hồng Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị	28.800.000	28.800.000
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Thành viên Hội đồng quản trị	28.800.000	28.800.000
Ông Nguyễn Bá Sơn - Phó Tổng Giám đốc	301.881.586	296.173.545
Ông Đỗ Vũ Linh - Nguyên Kế toán trưởng	159.560.985	251.377.274
<b>Thu nhập của các thành viên trong Ban kiểm soát của Công ty</b>	<b>76.800.000</b>	<b>64.800.000</b>

**37 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Phạm Thị Vân  
Người lậpPhan Thị Liên  
Điều hành Phòng Tài chính -  
Kế toánPhạm Văn Toàn  
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 03 năm 2022

